TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10/2022/QĐST – DS.	*N, ngày 25 tháng 4 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 52/2022/TLST – DS ngày 22 tháng 3 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng H; Địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường N, phường B, quận M, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần V – Giám đốc H - Chi nhánh Kon Tum;

Địa chỉ: Số V, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

(*Theo văn bản ủy quyền số 2181/2021/QĐ-TGĐ ngày 23-09-2021 về việc ủy quyền tham gia tố tụng của Tổng giám đốc Ngân hàng H; văn bản ủy quyền lại số 062/2022/UQ-H ngày 17/02/2022 của Giám đốc Ngân hàng H – chi nhánh Kon Tum);*

Bị đơn: Ông Trần S, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Tổ H, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: : Anh N và chị V;

Cùng trú tại: Tổ B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc thanh toán nợ vay:

Vào ngày 03/12/2020 Ngân hàng H cho ông Trần S vay số tiền gốc 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 0254/20PGDNH/HĐTD, thời hạn trả nợ vào ngày 03/3/2022; mức lãi suất trong hạn 11%/năm; mức lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi heo (lợn) và cá rô.

Tính đến hết ngày 25/4/2022 (ngày thỏa thuận này có hiệu lực) ông Trần S còn dư nợ: (Nợ gốc 249.910.959đ; nợ lãi trong hạn 4.369.863đ; nợ lãi quá hạn 6.789.511đ; tổng nợ: 261.070.333đ (*Hai trăm sáu mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Ông Trần S có trách nhiệm trả tổng số tiền dư nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 25/4/2022 là 261.070.333đ (*Hai trăm sáu mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*) cho Ngân hàng H.

2.2.Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự và Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Công nhận thỏa thuận giữa Ngân hàng H với ông Trần S: Kể từ ngày 26-4-2022 nếu ông Trần S chậm thanh toán tiền thì phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thi hành xong nợ. Bên vay phải chịu sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay. Mức lãi suất Tòa án quyết định cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3.Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Trần S vi phạm trả lãi và gốc nên có trách nhiệm hoàn trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho Ngân hàng H. Nếu đến ngày án có hiệu lực mà chậm trả thì phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm trả.

2.4.Về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Cho đến hết ngày 25 tháng 4 năm 2022, ông Trần S không trả đủ số tiền gốc và lãi trên, Ngân hàng H được yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 24787/18MN/HĐBĐ ngày 03/12/2018 là: Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 5 tại thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CP 848671 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 21/11/2018 cho ông Trần S.

Nếu tài sản bảo đảm xử lý còn dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ sẽ được trả lại cho ông Trần S; nếu thiếu thì ông Trần S chịu trách nhiệm trả số tiền còn thiếu.

Trong trường hợp cần phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì anh U và chị V có trách nhiệm giao lại toàn bộ thực địa đất đã mượn để sử dụng trồng trọt cây cối, hoa màu và nuôi thả cá theo đúng khuôn viên, tứ cận thửa đất số 40, tờ bản đồ số 5, tại thôn T, xã P, huyện N mà ông Trần S đã được cấp, để cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm.

***2.5. Về án phí**:*

Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Trần S phải nộp 6.526.000đ (*sáu triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Ngân hàng H được nhận lại 6.377.000đ (*Sáu triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002750 ngày 22-3-2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Nguyên đơn;
- bị đơn; người liên quan;
-VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
-Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo